

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

**PL 02 - DANH SÁCH SINH VIÊN CÒN NỢ HỌC PHÍ THEO KỲ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2020-2021
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CLC ĐÁP ỨNG TT 23/2014/TT-BGDĐT**

(Kèm theo thông báo số 3367 /ĐHKT-KHTC ngày 17 / 11 /2020)

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Học phí phải nộp	Nộp tại BIDV	Học phí còn nợ
1	17050545	Đình Thị Hoàng Anh	03/28/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
2	17050550	Bùi Thị Ngọc Anh	12/29/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
3	17050556	Nguyễn Tuấn Anh	04/14/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
4	17050582	Lê Thị Hồng Hạnh	11/04/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
5	17050606	Nguyễn Ngọc Khánh	06/29/1998	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
6	17050608	Nguyễn Thị Hoàng Lan	10/23/1998	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
7	17050630	Nguyễn Thị Minh Ngọc	07/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
8	17050646	Trần Thị Thanh Thúy	11/22/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
9	17050660	Phạm Mai Anh	07/03/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
10	17050679	Nguyễn Đức Hùng	02/02/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
11	17050680	Lê Huy	07/29/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
12	17050700	Phạm Công Minh	12/07/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
13	17050701	Đình Quang Minh	11/23/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
14	17050702	Trần Phùng Hà My	05/14/1998	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
15	17050708	Phạm Kim Oanh	07/08/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
16	17050721	Bùi Mai Thương	12/17/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
17	17050731	Bùi Sơn Tùng	11/30/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
18	17050732	Nguyễn Quang Tuyền	10/29/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
19	17050733	Nguyễn Thị Xuyên	08/11/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
20	17050735	Đỗ Quỳnh Anh	07/04/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
21	17050756	Trịnh Thị Thanh Phúc	02/23/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
22	18050378	Đỗ Hoàng Anh	08/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
23	18050385	Lê Vũ Thị Vân Anh	05/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
24	18050429	Đỗ Quang Dũng	04/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
25	18050434	Thái Minh Dũng	09/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
26	18050452	Lê Thị Hạnh	06/23/1998	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
27	18050462	Ngô Minh Hoàng	12/21/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
28	18050471	Nguyễn Mai Hương	12/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
29	18050490	Trần Trung Kiên	05/21/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Học phí phải nộp	Nộp tại BIDV	Học phí còn nợ
30	18050513	Nguyễn Hoàng Long	12/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
31	18050534	Lê Tuấn Ngọc	08/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
32	18050538	Ngô Anh Nguyên	12/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
33	18050540	Nguyễn Đăng Nhật	02/22/1999	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
34	18050548	Lê Đặng Việt Phú	05/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
35	18050551	Nguyễn Lan Phương	12/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
36	18050571	Đỗ Thị Hoài Thanh	11/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
37	18050605	Nguyễn Phương Trang	08/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
38	18050630	Dương Thị Hồng Vinh	03/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
39	18050654	Hoàng Thị Ngọc Anh	06/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
40	18050656	Mai Hoàng Phương Anh	08/01/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	2,450,000	15,050,000	-	15,050,000
41	18050659	Nguyễn Hồng Anh	11/06/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
42	18050662	Nguyễn Phương Anh	06/01/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
43	18050671	Trần Thị Phương Anh	01/20/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
44	18050682	Phạm Văn Bình	11/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
45	18050686	Nguyễn Thị Chung	05/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
46	18050698	Phạm Thùy Dương	03/21/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
47	18050707	Phạm Thị Thu Hà	02/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
48	18050718	Trần Thu Hiền	06/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
49	18050741	Doãn Thị Thủy Linh	09/24/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
50	18050742	Hồ Nhật Linh	11/09/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
51	18050752	Trịnh Khánh Linh	12/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
52	18050756	Phạm Kim Long	01/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
53	18050759	Vũ Quốc Long	10/15/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
54	18050760	Bùi Trần Công Lực	04/24/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
55	18050761	Tổng Thị Hải Ly	08/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
56	18050768	Đoàn Anh Minh	01/02/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
57	18050776	Bùi Thị Bích Ngọc	03/06/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
58	18050799	Nguyễn Văn Phương	07/27/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
59	18050826	Cao Thủy Tiên	09/29/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
60	18050840	Thiều Thiện Tường	08/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
61	18050842	Trịnh Thị Tuyết	02/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
62	18050864	Trịnh Hữu Việt Anh	11/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
63	18050882	Trần Công Đức	10/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Học phí phải nộp	Nộp tại BIDV	Học phí còn nợ
64	18050896	Đỗ Thế Hiệp	10/26/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
65	18050936	Đinh Văn Nga	09/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
66	18050995	Lê Thị Minh Anh	05/29/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
67	18051000	Nguyễn Thị Ngọc Anh	09/30/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
68	18051001	Nguyễn Thị Vân Anh	02/12/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
69	18051038	Đới Thị Thúy Hằng	11/03/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
70	18051043	Đỗ Thanh Hiền	05/04/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	4,900,000	12,600,000	-	12,600,000
71	18051072	Lưu Hà Ly	01/13/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
72	18051103	Trịnh Việt Thành	12/04/1998	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
73	18051109	Nguyễn Thị Minh Thu	12/13/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
74	18051110	Phạm Thị Anh Thư	09/23/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
75	18051114	Hà Thùy Tiên	11/16/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
76	18051133	Phạm Hoàng Long	03/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
77	19050007	Hồ Lê Minh Anh	06/10/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
78	19050014	Nguyễn Minh Anh	12/10/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
79	19050020	Nguyễn Tuấn Anh	06/14/1999	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
80	19050028	Hoàng Quốc Bảo	01/27/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
81	19050032	Phạm Ngọc Linh Chi	10/13/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
82	19050042	Phùng Ngọc Diệp	08/25/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
83	19050043	Nguyễn Hồng Đức	11/13/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
84	19050045	Đỗ Minh Dũng	05/28/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
85	19050048	Tạ Trí Dũng	08/13/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
86	19050061	Trịnh Hương Giang	09/20/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
87	19050068	Nguyễn Thanh Hải	11/12/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
88	19050087	Nông Minh Hiếu	04/11/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
89	19050098	Trần Dương Hoàng	01/04/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
90	19050102	Nguyễn Đức Hùng	08/12/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
91	19050103	Đào Thanh Hương	06/28/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
92	19050108	Nguyễn Ngọc Mai Hương	03/09/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
93	19050112	Trịnh Thị Thu Hương	06/07/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
94	19050124	Nguyễn Xuân Khiêm	05/09/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
95	19050134	Đặng Phương Linh	09/15/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
96	19050135	Đỗ Ngọc Linh	01/28/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
97	19050149	Nguyễn Thùy Linh	10/20/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Học phí phải nộp	Nộp tại BIDV	Học phí còn nợ
98	19050153	Trương Thùy Linh	09/17/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
99	19050156	Nguyễn Bảo Long	07/10/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
100	19050175	Lê Anh Minh	12/20/2000	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
101	19050178	Trần Toàn Minh	03/07/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
102	19050182	Nguyễn Linh Nga	09/02/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
103	19050184	Hoàng Lê Bảo Ngân	03/04/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
104	19050186	Trần Phúc Nghĩa	10/29/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
105	19050188	Nguyễn Minh Ngọc	04/26/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
106	19050192	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	10/23/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
107	19050211	Tạ Thu Phương	04/09/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
108	19050213	Trần Thị Thu Phương	09/11/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
109	19050227	Nguyễn Như Quỳnh	10/25/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
110	19050237	Nguyễn Minh Tân	07/12/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
111	19050261	Nguyễn Thị Thúy	04/04/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
112	19050267	Đỗ Khánh Toàn	12/09/1999	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
113	19050277	Vy Thị Huyền Trang	03/05/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
114	19050290	Phùng Thu Vân	05/16/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
115	19050295	Vũ Minh Việt	04/24/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
116	19050299	Lê Hải Yến	01/25/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
117	19050300	Ngô Gia Hiền	04/15/2001	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
118	19050308	Trần Danh Dũng	08/27/2000	QH-2019-E KINH TẾ-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
119	19050604	Ngô Văn Anh	01/03/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
120	19050607	Nguyễn Thị Hải Anh	11/19/2000	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
121	19050618	Vũ Tuệ Anh	01/11/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
122	19050628	Nguyễn Quý Danh	02/19/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
123	19050677	Đỗ Hà Phương Linh	08/25/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
124	19050692	Phạm Thị Diễm Mi	06/22/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
125	19050708	Nguyễn Minh Ngọc	01/07/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
126	19050722	Lưu Thuý Quỳnh	08/30/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
127	19050724	Nguyễn Thị Quỳnh	10/13/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
128	19050747	Phạm Thùy Tiên	07/17/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
129	19050748	Hoàng Công Toàn	06/06/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
130	19050754	Nguyễn Quỳnh Trang	03/05/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
131	19050781	Nguyễn Đình Tuấn Vũ	01/22/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Học phí phải nộp	Nộp tại BIDV	Học phí còn nợ
132	19050820	Lê Thị Hà Anh	09/03/2001	QH-2019-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
133	19050848	Từ Hữu Duy	03/27/2001	QH-2019-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
134	19050862	Phạm Thị Hạnh	10/09/2001	QH-2019-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
135	19050873	Vũ Ngọc Hùng	07/19/2001	QH-2019-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
136	19050875	Dương Thu Hương	06/23/2001	QH-2019-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
137	19050889	Trần Thị Lành	01/09/2001	QH-2019-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
138	19050892	Đình Khánh Linh	06/03/2001	QH-2019-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
139	19050916	Nguyễn Thị Lê Na	11/01/2001	QH-2019-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
140	19050917	Nguyễn Thúy Ngân	09/15/2001	QH-2019-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
141	19050925	Nguyễn Khánh Nguyên	03/19/2001	QH-2019-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
142	19050939	Phùng Thanh Phong	02/25/2001	QH-2019-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
143	19050943	Hoàng Thị Phương	09/03/2001	QH-2019-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
144	19050944	Nguyễn Thị Thu Phương	10/13/2001	QH-2019-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
145	19050946	Lê Thị Phụng	03/01/2001	QH-2019-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
146	19050977	Nguyễn Thùy Trang	09/15/2001	QH-2019-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
147	19050983	Trần Anh Tuấn	11/15/2001	QH-2019-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
148	19050994	Phạm Tuấn Anh	09/08/2001	QH-2019-E KẾ TOÁN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
149	19050995	Nguyễn Quỳnh Anh	01/08/2001	QH-2019-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
150	19051010	Đào Thị Mỹ Anh	04/02/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
151	19051012	Lại Quang Anh	12/28/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
152	19051039	Mai Thị Linh Chi	01/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
153	19051049	Vũ Thị Tuyết Dinh	12/06/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
154	19051065	Nguyễn Dương Việt Hà	08/15/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
155	19051086	Nguyễn Đăng Hoàng	05/22/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
156	19051087	Trần Đức Hoàng	09/02/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
157	19051100	Nguyễn Phúc Đức Huy	04/20/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
158	19051125	Đồng Thị Thùy Linh	01/17/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
159	19051150	Nguyễn Thị Ngọc Mai	03/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
160	19051214	Phùng Thị Thanh Thảo	10/24/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
161	19051278	Nguyễn Minh Hiền	03/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
162	19051281	Đình Hiền Mai	05/23/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
163	19051307	Đình Quang Duy	09/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
164	19051315	Đặng Thái Hường	08/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
165	19051316	Phan Thanh Huyền	12/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Học phí phải nộp	Nộp tại BIDV	Học phí còn nợ
166	19051336	Đỗ Thị Bích Ngọc	06/10/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
167	19051401	Đình Hồng Anh	06/19/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
168	19051405	An Tuấn Anh	06/10/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
169	19051406	Bùi Đức Anh	04/30/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
170	19051430	Trịnh Lan Chi	05/21/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
171	19051453	Vũ Hồng Dương	07/06/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
172	19051457	Phạm Nguyễn Ngân Hà	02/15/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
173	19051467	Nguyễn Thị Minh Hiền	02/22/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
174	19051489	Nguyễn Thị Khánh Huyền	12/19/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
175	19051495	Nguyễn Quốc Khánh	02/27/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
176	19051498	Đỗ Thị Lan	10/04/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
177	19051510	Tổng Khánh Linh	03/02/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
178	19051523	Lê Tuấn Minh	03/05/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
179	19051526	Chu Hoàng My	02/06/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
180	19051529	Phạm Thị Huyền My	06/09/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
181	19051559	Nguyễn Thị Việt Phương	08/25/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
182	19051595	Dương Thị Phương Thúy	09/14/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
183	19051608	Nguyễn Thị Huyền Trang	08/20/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
184	19051610	Nguyễn Thị Thùy Trang	01/03/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
185	19051616	Lưu Đức Trường	03/21/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
186	19051623	Phạm Thị Thảo Vân	01/25/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
187	19051625	Trịnh Quang Vinh	12/20/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
188	19051646	Nguyễn Thị Thùy Dương	12/17/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000

Danh sách bao gồm 188 sinh viên